

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2023/DS-ST  
Ngày: 29 - 5 - 2023  
V/v tranh chấp về hợp đồng  
vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Mỹ Xuân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Văn Thế.
- Ông Nguyễn Thanh Nghị.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 476/2022/TLST- DS, ngày 12 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: **67/2023/QĐXXST-DS** ngày 08 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Quốc T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 329, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Anh T có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồ Phũ A, sinh năm 1999; Địa chỉ: Số 98, tổ 3, ấp M, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Quốc T. Theo Hợp đồng ủy quyền giữa các bên được Ủy ban nhân dân thị trấn L chứng thực số 293, ngày 19/9/2022. Chị Phũ A có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn:

1. Anh Đinh Văn Sơn E, sinh năm 1974. Anh Sơn E vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

2. Chị Phạm Thị L, sinh năm 1971. Chị L vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: Số 25, ấp T, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1952;  
Địa chỉ: Số 329, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Hồ Phủ A, sinh năm 1999; Địa chỉ: Số 98, tổ 3, ấp M, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; Theo Hợp đồng ủy quyền giữa các bên được Ủy ban nhân dân thị trấn L chứng thực số 293, ngày 19/9/2022. Chị Phủ A có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Lê Quốc T là chị Nguyễn Hồ Phủ A trình bày:

Vào năm 2020 do chỗ quen biết với nhau nên anh Lê Quốc T có cho anh Đinh Văn Sơn E vay số tiền 15.000.000 đồng để chuộc lại xe. Anh Sơn E có ký tên và ghi họ tên vào giấy vay số tiền là 15.000.000 đồng và hẹn đến ngày 20/4/2022 sẽ trả tiền cho anh T. Khi vay tiền anh Sơn E và anh T không thỏa thuận nghĩa vụ trả lãi. Sau khi đến hạn trả tiền vay, anh T có nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu anh Sơn E trả tiền vay nhưng anh Sơn E không trả.

Cũng trong năm 2020, do là chỗ quen biết nên anh Lê Quốc T có cho chị Phạm Thị L vay tiền bằng cách đưa tiền nhiều lần thông qua bà Nguyễn Thị M (là mẹ của anh T) để cho chị L vay tiền; khi cho chị L vay tiền, anh T không tính lãi và cũng không làm giấy tờ. Đến hạn trả tiền nhưng chị L không trả, đến ngày 13/7/2022 anh T có yêu cầu chị L đến nhà và cùng chốt lại số tiền đã vay và ghi nhận vào giấy vay tiền, chị L có ký tên và ghi họ tên xác nhận đã vay anh T số tiền 62.000.000 đồng.

Theo nội dung đơn khởi kiện anh Lê Quốc T và bà Nguyễn Thị M yêu cầu vợ chồng anh Đinh Văn Sơn E và chị Phạm Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Mân và anh T số tiền nợ gốc trong cả hai hợp đồng vay trên là 77.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị M rút yêu cầu khởi kiện đối với anh Sơn E và chị L, vì cho rằng mình chỉ là người thay mặt anh T trực tiếp giao tiền vay cho chị Phạm Thị L, bà Mân không phải là người cho các bị đơn vay tiền. Anh Lê Quốc T cũng thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, anh T không yêu cầu anh Sơn E và chị L có nghĩa vụ liên đới, mà yêu cầu chị Phạm Thị L trả cho anh T số tiền nợ gốc trong hợp đồng vay 13/7/2022 là 62.000.000 đồng (Sáu mươi hai triệu đồng), không yêu cầu chị L trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc nêu trên; và anh T yêu cầu anh Đinh Văn Sơn E trả cho anh T số tiền nợ gốc trong hợp đồng vay là

15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), không yêu cầu tiền lãi trên số tiền nợ gốc này.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn khẳng định thống nhất với lời trình bày của mình trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, nguyên đơn là anh T tiếp tục thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện để yêu cầu tính lãi chậm thi hành án theo quy định pháp luật, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Đình Văn Sơn E trình bày:*

Anh Đình Văn Sơn E và chị Phạm Thị L sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1992 đến nay không có đăng ký kết hôn; hiện tại anh Sơn E và chị L vẫn còn chung sống với nhau như vợ chồng. Anh Sơn E thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn là anh Lê Quốc T về việc anh Sơn E có vay của anh T 15.000.000 đồng để chuộc xe, có làm giấy vay tiền và hẹn đến ngày 20/4/2022 sẽ trả tiền cho anh T như phía nguyên đơn trình bày. Sau khi vay tiền, anh Sơn E có đóng cho anh T 04 lần tiền lãi tổng cộng là 6.000.000 đồng, khi anh Sơn E trả tiền lãi cho anh T, hai bên không có làm biên nhận, nên anh Sơn E không có chứng cứ chứng minh và không yêu cầu giải quyết về tiền lãi đã đóng cho anh T. Do làm ăn thua lỗ nên anh Sơn E chưa trả tiền cho anh T theo như thời hạn đã hứa.

Theo anh Sơn E thì việc bà chị L vay tiền của anh T nhiều lần và có làm biên nhận tổng số tiền nợ 62.000.000 đồng như nội dung biên nhận do nguyên đơn xuất trình là đã bao gồm cả phần 15.000.000 đồng do anh Sơn E vay để chuộc xe. Nay anh T yêu cầu anh Sơn E trả 15.000.000 đồng tiền nợ gốc trong hợp đồng vay theo biên nhận có chữ ký của anh Sơn E thì anh Sơn E đồng ý. Về số tiền nợ gốc 62.000.000 đồng của chị L thì để chị L trình bày và giải quyết, anh T không ý kiến yêu cầu gì.

Nay bị đơn là anh Đình Văn Sơn E đồng ý thực hiện nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là anh Lê Quốc T số tiền vốn vay còn nợ lại là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) theo yêu cầu của nguyên đơn.

Anh Sơn E vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Phạm Thị L trình bày:*

Chị L thống nhất với lời trình bày của anh Đình Văn Sơn E về mối quan hệ sống chung như vợ chồng không có đăng ký kết hôn của chị L và anh Sơn E.

Chị L cũng thống nhất với lời trình bày của anh T về việc có nhiều lần vay tiền của anh T, bà Nguyễn Thị M (mẹ của anh T) là người trực tiếp đưa tiền vay cho chị L và cũng thống nhất với việc có làm biên nhận để tổng kết nợ, nhưng số tiền nợ gốc chị L đã vay được tổng kết lại là 47.000.000 đồng. Chị L thừa nhận có ký tên vào giấy vay tiền với số tiền vay là 62.000.000 đồng, và xác định số tiền này đã bao gồm cả số tiền 15.000.000 đồng mà chồng mình là anh Sơn E đã vay của anh T. Khi thỏa thuận việc vay tiền, chị L và anh T có thỏa thuận bằng lời nói nghĩa vụ trả lãi là 10%/tháng. Từ khi vay tiền, mỗi tháng chị L có trả lãi cho anh T khoảng 02 đến 04 triệu tiền lãi, nhưng không nhớ rõ tổng tiền lãi đã trả là bao nhiêu, và ngừng trả tiền lãi trước khi anh T làm đơn khởi kiện khoảng 2 tháng. Mặt

khác, trong thời gian vay chị L có trả cho anh T số tiền nợ gốc là 3.000.000 đồng, nên nay chị L chỉ còn nợ anh T nợ gốc là 44.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi trả số tiền nợ gốc vay này, và khi trả tiền lãi cho anh T chị L không có làm giấy tờ gì, nên không có gì để chứng minh. Do chị L không có chứng cứ chứng minh việc chị L trả tiền lãi cho anh T, nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tiền lãi đã trả cho anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L không đồng ý yêu cầu của anh T về việc buộc chị L trả số tiền vốn vay 62.000.000 đồng, vì chị L cho rằng chị L chỉ có nghĩa vụ trả cho anh T là 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng).

Chị L vắng mặt tại phiên tòa, không rõ lý do.

*- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Bà Mân là mẹ ruột của anh T, bà Mân đã thay mặt anh T trực tiếp giao tiền vay cho chị L. Trước đây bà Mân cùng anh Lê Quốc T khởi kiện yêu cầu chị L và anh Sơn E trả các khoản vay trên, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà Mân rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện vì cho rằng mình chỉ là người thay mặt anh T giao tiền vay cho chị L và không yêu cầu gì trong vụ án này.

*- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu:*

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng, còn bị đơn không thực hiện theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phía nguyên đơn trình bày việc bà Mân có thay mặt anh T giao tiền vay cho chị L nhiều lần, mỗi lần bao nhiêu tiền thì không nhớ. Dù từ khi vay tiền đến nay chị L không trả tiền vay cho anh T lần nào nhưng anh T vẫn tiếp tục cho vay không lấy lãi, khi số tiền lên đến 62.000.000 đồng thì chốt nợ. Trong khi mối quan hệ giữa chị L và anh T, bà Mân chỉ là quen biết. Xét thấy lời trình bày phía nguyên đơn là chưa phù hợp. Trong khi phía chị L xác định khoản nợ 62.000.000 đồng là đã bao gồm 15.000.000 đồng anh Sơn E đã vay và đồng ý trả cho anh T.

Qua thẩm vấn phía nguyên đơn có lúc đã trình bày là cho vay có lãi, khi lại nói là cho vay không có lãi. Đồng thời nguyên đơn cũng không xác định được các lần giao tiền vào thời gian nào, số tiền bao nhiêu.

Để có cơ sở đánh giá chứng cứ được khách quan toàn diện, xét thấy cần thiết phải thu thập thêm chứng cứ làm rõ việc bà Mân giao tiền cho chị L vào thời điểm nào, giao bao nhiêu lần, mỗi lần bao nhiêu tiền, các lần giao tiền có làm biên nhận hay không. Qua đó xem xét việc chốt nợ 62.000.000đ có cộng thêm 15.000.000đ mà ông Sơn Em có nợ của anh T hay không. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **[1] Về tố tụng:**

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả số tiền nợ gốc theo các hợp đồng vay được giao kết giữa bên cho vay là nguyên đơn và bên vay là các bị đơn. Từ đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ tranh chấp dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do các bị đơn là anh Đinh Văn Sơn E và chị Phạm Thị L có địa chỉ thường trú tại số 25, ấp T, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Đinh Văn Sơn E và chị Phạm Thị L là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa, nhưng anh Sơn E vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, chị L vắng mặt không rõ lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt các bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Quốc T có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh Sơn E và chị L thực hiện nghĩa vụ theo phần chữ không yêu cầu hai người này liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ; và yêu cầu tính lãi chậm thi hành án theo quy định pháp luật. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu này của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị M có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện đề ngày 19/9/2022, xét việc rút yêu cầu khởi kiện của bà Mân là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại điểm c Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự nên đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Mân.

### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về việc giao kết hợp đồng vay giữa nguyên đơn và các bị đơn được thể hiện bằng văn bản theo nội dung của 02 (hai) giấy thỏa thuận vay tiền giữa cùng người cho vay là anh Lê Quốc T và người vay tiền lần lượt là anh Đinh Văn Sơn E và chị Phạm Thị L. Trong hai giấy vay tiền này, một giấy có chữ ký và ghi họ tên anh Đinh Văn Sơn E tại phần người vay; và giấy vay tiền còn lại có chữ ký và ghi họ tên chị Phạm Thị L tại phần người vay. Sự việc giao kết hợp đồng vay này do phía nguyên đơn trình bày và cung cấp bản chính 02 (hai) giấy vay tiền làm chứng cứ chứng minh, đồng thời anh Sơn E và chị L đều thừa nhận mình có ký tên ghi họ tên vào các giấy vay tiền như nguyên đơn trình bày cho thấy sự việc giao kết các hợp đồng vay này giữa nguyên đơn và từng bị đơn là có thật.

[2.2] Về hiệu lực của các hợp đồng vay đã giao kết.

Khi anh T cùng anh Son E và chị L giao kết các hợp đồng vay này đều đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự. Anh Son E và chị L đều tự ký tên, ghi họ tên vào các giấy vay tiền và mục đích vay để trang trải việc làm ăn, cho thấy mục đích, nội dung của giao dịch dân sự nêu trên không vi phạm điều cấm của luật cũng như không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng vay được các bên ký kết đã đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự được quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự, nên các hợp đồng vay này được công nhận và pháp luật bảo vệ.

### [2.3] Về nội dung và quá trình thực hiện hợp đồng vay

Căn cứ vào nội dung giấy vay số tiền 15.000.000 đồng, đề ngày 20/12/2021 giữa người cho vay là anh Lê Quốc T, người vay tiền là anh Đinh Văn Son E, xác định đây là hợp đồng vay không có lãi, có kỳ hạn. Về phần giấy vay số tiền 62.000.000 đồng, không ghi rõ thời gian vay, giữa người cho vay là anh Lê Quốc T và người vay tiền là chị Phạm Thị L, thể hiện đây là hợp đồng vay không có lãi, không có kỳ hạn.

Bị đơn Đinh Văn Son E thừa nhận có vay, còn nợ và đồng ý trả số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng theo yêu cầu của anh T, do anh Son E tự nguyện nên được ghi nhận.

Về việc chị L trình bày đã trả cho anh T số tiền nợ gốc là 3.000.000 đồng, và biên nhận 62.000.000 đồng mà chị L ký đã bao gồm cả số nợ gốc 15.000.000 đồng của anh Son E vay, nay anh Son E đã thừa nhận và đồng ý trả 15.000.000 đồng thì chị L chỉ còn nợ anh T 44.000.000 đồng. Ý kiến phản bác này của chị L không được anh T thừa nhận và chị L cũng thừa nhận mình không có chứng cứ chứng minh, nên không xem xét. Căn cứ vào chứng cứ chứng minh do các bên đưa ra, xác định chị L còn nợ anh T số tiền nợ gốc trong hợp đồng vay là 62.000.000 đồng.

Bị đơn là anh Son E và chị L đều xác định trong quá trình thực hiện hợp đồng vay này, có trả tiền lãi cho anh T nhiều lần, nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh và cũng không yêu cầu tranh chấp gì về số tiền lãi đã trả, nên không xem xét.

### [2.4] Về yêu cầu của nguyên đơn.

- Đối với hợp đồng vay giữa anh Lê Quốc T và chị Phạm Thị L:

Theo Khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự: *“Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”*

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi nên việc anh T yêu cầu chị L trả số tiền nợ gốc là 62.000.000 đồng, không có yêu cầu trả tiền lãi là phù hợp với quy định tại các điều 466, 469 Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

- Đối với hợp đồng vay giữa anh Lê Quốc T và anh Đinh Văn Son E:

Theo Khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự: *“Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo*

*trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý, còn bên cho vay chỉ được đòi lại tài sản trước kỳ hạn, nếu được bên vay đồng ý.”*

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi nên việc anh T yêu cầu anh Son E trả số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng, không có yêu cầu trả tiền lãi là phù hợp với quy định tại các điều 466, 470 Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hợp lý. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều có cung cấp ý kiến và chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình. Ngoài ra, Tòa án đã thông báo, công khai đầy đủ các tài liệu chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự, và yêu cầu các đương sự cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày, yêu cầu và ý kiến phản bác của mình. Xét thấy nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay đã cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là các văn bản ghi nhận việc vay tiền, các bị đơn thừa nhận có ký tên và ghi họ tên của mình vào các văn bản trên. Việc bị đơn là chị L phản bác nội dung về số tiền vay, nhưng phản bác này không được phía nguyên đơn thừa nhận, nên xác định nghĩa vụ chứng minh thuộc về chị L. Chị L đã khẳng định mình không có chứng cứ chứng minh về nội dung phản bác này và chị L cũng vắng mặt không có lý do dù được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai cho thấy chị L đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định. Xét nội dung yêu cầu thu thập thêm chứng cứ của Kiểm sát viên là không cần thiết nên không chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Son E và chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Lê Quốc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Do phân nghĩa vụ của các bị đơn là phân nghĩa vụ trong hợp đồng vay không có thỏa thuận về việc trả lãi nên nghĩa vụ chậm thi hành án trên số tiền còn phải thi hành án của người phải thi hành án được thực hiện theo quy định tại cả điểm b Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[6] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 117, 357, 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày

11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Quốc T.**

1.1. Buộc chị Phạm Thị L có nghĩa vụ trả cho anh Lê Quốc T số tiền nợ gốc trong hợp đồng vay theo giấy vay tiền không ghi rõ thời gian, giữa người cho vay là anh Lê Quốc T và người vay là chị Phạm Thị L là 62.000.000 đồng (Sáu mươi hai triệu đồng). Chị L không có nghĩa vụ tiền lãi trên nợ gốc tính đến ngày xét xử sơ thẩm trong hợp đồng vay này.

1.2. Buộc anh Đinh Văn Sơn E có nghĩa vụ trả cho anh Lê Quốc T số tiền nợ gốc trong hợp đồng vay theo giấy vay tiền ngày 20/12/2021 giữa người cho vay là anh Lê Quốc T và người vay là anh Đinh Văn Sơn E là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Anh Sơn E không có nghĩa vụ tiền lãi trên nợ gốc tính đến ngày xét xử sơ thẩm trong hợp đồng vay này.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với anh Đinh Văn Sơn E và chị Phạm Thị L về việc yêu cầu anh Sơn E và chị L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Mân số tiền nợ vay trong hai hợp đồng vay giữa người cho vay là anh Lê Quốc T với người vay là anh Đinh Văn Sơn E và chị Phạm Thị L.**

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Chị Phạm Thị L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là **3.100.000 đồng (Ba triệu một trăm nghìn đồng)**. Chị L chưa nộp.

Anh Đinh Văn Sơn E phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là **750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)**. Anh Sơn E chưa nộp.

Bà Nguyễn Thị M và anh Lê Quốc T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Mân và anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.925.000 đồng (Một triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013767, ngày 07/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

**5. Anh Lê Quốc T, bà Nguyễn Thị M, chị Nguyễn Hồ Phú A có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.**

Anh Đinh Văn Sơn E và chị Phạm Thị L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.



**6.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CC.THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Hà Thị Mỹ Xuân**